

NHẬN DIỆN THAM NHƯNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

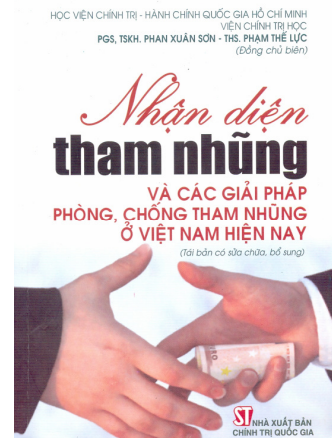
PHAN XUÂN SƠN, PHẠM THẾ LỰC (đồng chủ biên). **Nhận diện tham nhũng và các giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay.**
H.: Chính trị quốc gia, 2010, 254 tr.

*HÀ AN
lược thuật*

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn để nhận diện và thiết lập các biện pháp phòng, chống tham nhũng

Tham nhũng là một loại bệnh của nhà nước. Do đó nghiên cứu tham nhũng, phòng chống tham nhũng chủ yếu là nghiên cứu nhà nước, phương thức tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước. Trong chương đầu cuốn sách, các tác giả làm rõ các vấn đề lý luận cơ bản như quyền lực công cộng, sự tha hóa quyền lực công cộng và tham nhũng; khái quát các cách tiếp cận về tham nhũng trên thế giới; và làm sáng tỏ tác hại của tham nhũng.

1. Quyền lực công cộng (quyền lực công) là nhu cầu phối hợp hoạt động chung, duy trì trật tự chung và bảo vệ cộng đồng xã hội khỏi sự xâm hại từ bên ngoài. Có thể nói, sự ra đời của nhà nước, việc hình thành bộ máy quan liêu, đội ngũ quan lại đứng trên xã hội đã mở đầu cho một quá trình phát triển lâu dài của xã hội có nhà nước và cũng bắt đầu cho một quá trình lâu dài tha hoá quyền lực nhà nước. Trong quá trình tha hoá đó, nhân dân với tư cách là người có



chủ quyền, muốn các cơ quan nhà nước giải quyết những công việc liên quan đến mình, đều phải cầu cạnh các cơ quan nhà nước, thậm

chí phải trả cho quan chức một khoản dưới hình thức “cống nộp”, “phụ thu”, “lót tay”, “hoa hồng”, “bôi trơn”,... Còn các quan chức nhà nước thì sống bám vào các khoản nộp này. Các hành vi này rất phổ biến trong mọi nhà nước quan liêu còn ít nhiều mang tính chất “dã man” và được gọi là “tham nhũng”.

2. Mặc dù đã tồn tại từ lâu, nhưng cho đến đầu những năm 1990, tham nhũng mới thật sự được cảnh báo như là một hiểm hoạ đối với tất cả các quốc gia

trên thế giới, bất kể chế độ chính trị, trình độ phát triển kinh tế – xã hội.

Có nhiều cách tiếp cận phạm trù tham nhũng. Cách tiếp cận của UN cũng như pháp luật của nhiều nước, trong đó có Việt Nam, coi tham nhũng chỉ có thể xảy ra trong khu vực công, mang yếu tố quyền lực nhà nước. Ở cách tiếp cận rộng hơn, Hội đồng châu Âu cho rằng, tham nhũng xảy ra cả ở khu vực công và khu vực tư. Tham nhũng bao gồm những hành vi hối lộ và bất kỳ một hành vi nào khác của những người được giao thực hiện một trách nhiệm nào đó trong khu vực nhà nước hoặc tư nhân, nhưng đã vi phạm trách nhiệm được giao để thu bất kỳ một thứ lợi bất hợp pháp nào cho cá nhân hoặc người khác. Còn tham nhũng, theo Tổ chức Minh bạch quốc tế (TI), là hành vi của người lạm dụng chức vụ, quyền hạn, hoặc cố ý làm trái pháp luật để phục vụ cho lợi ích cá nhân. Bản chất của nó mô tả bằng công thức: Tham nhũng = độc quyền + bùng bít thông tin – trách nhiệm giải trình,...

3. Tham nhũng gây tác hại nghiêm trọng đối với phát triển kinh tế và được coi là một tác nhân làm suy yếu thị trường ở ba khía cạnh: như một loại “thuế”, nó là hàng rào cản trở sự tham gia vào thị trường; gây ảnh hưởng xấu tới tính hợp pháp của nhà nước; cản trở khả năng cung cấp những thể chế hỗ trợ thị trường. Ngoài ra, tham nhũng còn mang lại hậu quả về mặt văn hoá. Dưới các biểu hiện, hình thức, trạng thái, mức độ, tính chất khác nhau, tham nhũng đã trở thành một “cách sống” của một số người, thậm chí một “lối sống” trong xã hội. Nó đã và đang trở thành một nguy cơ văn hoá trầm trọng đối với mọi quốc gia, trong đó có nước ta.

Chương 2: Tham nhũng ở Việt Nam - nhận diện, đặc điểm, nguyên nhân và vấn đề đặt ra

1. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, nguồn gốc của tham nhũng là do tha hoá quyền lực nhà nước, do thiếu dân chủ. Thiếu dân chủ ở đây được xem xét từ hai phía: *một là* từ phía cán bộ công chức nhà nước mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh. Nguyên nhân là do “Xa nhân dân. Khinh nhân dân. Sợ nhân dân. Không tin cậy nhân dân. Không hiểu hết nhân dân. Không yêu thương nhân dân... Thậm chí còn lừa phỉnh dân và dọa nạt dân”; *hai là*, “quan tham vì dân dại”. Nếu dân hiểu biết không chịu đút lót, thì “quan” dù không liêm cũng phải hoá ra liêm. Bản chất của tham nhũng là chủ nghĩa cá nhân, là tính trục lợi, cán bộ “có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp ‘dĩ công vi tư’”. Vì thế muốn chống tham nhũng, Hồ Chí Minh chỉ rõ, phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân với tất cả các biện pháp, trong đó “pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì”.

2. *Nhận diện tham nhũng qua các nghị quyết, chỉ thị của Đảng Cộng sản Việt Nam*, có thể nói, khái niệm “tham nhũng” chính thức lần đầu tiên được sử dụng trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986). Trước đó “tham nhũng” thường được dùng với các hiện tượng – hành vi như quan liêu, tham ô, những lạm, lãng phí, cửa quyền, hối lộ, đặc quyền, đặc lợi, thoái hoá biến chất,... hoặc nói rộng hơn và phổ biến là “các hiện tượng tiêu cực”.

Sau này vấn đề tham nhũng và đấu tranh chống tham nhũng đã được đề cập sâu hơn trong các văn kiện ở các kỳ hội nghị sau của Đảng, chỉ ra nguyên nhân, hiện trạng, và các biện pháp phòng,

chống tham nhũng. Đến Hội nghị Trung ương 4 (khoá IX) của Đảng cũng nhận định tình trạng tham nhũng, tiêu cực đã lan rộng sang nhiều lĩnh vực, kể cả lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ pháp luật,... tình trạng sách nhiễu người dân vẫn diễn ra phổ biến làm cho nhân dân bất bình.

Song song với quá trình nhận diện các hành vi tham nhũng, tác hại của chúng, Đảng ta đã đề ra nhiều biện pháp phòng, chống tương xứng với tính chất và tác hại của nó. Tuy vậy, công cuộc chống tham nhũng, ngay từ đầu đã cho thấy là một nhiệm vụ cực kỳ khó khăn.

3. *Nhận diện tham nhũng qua Luật Phòng, chống tham nhũng (năm 2006) và Luật Hình sự Việt Nam năm 1999 (sửa đổi)*, các tác giả thấy rằng, hai Bộ luật này đã chỉ rõ được thế nào là tham nhũng và nêu rõ những hành vi nào được coi là tham nhũng, đưa ra được cách tiếp cận về nguyên nhân, chỉ ra những lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, mức độ phức tạp và khó khăn của việc phòng, chống tham nhũng. Tuy nhiên, các Luật này mới chỉ điều chỉnh hành vi tham nhũng công, nghĩa là tham nhũng chỉ được xem xét đối với những người nắm giữ các chức vụ trong cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị – xã hội chứ không điều chỉnh hành vi tham nhũng trong khu vực tư nhân.

4. Nghiên cứu và làm rõ *một số hình thức tham nhũng phổ biến ở Việt Nam hiện nay*, các tác giả nhận thấy, điển hình là các hình thức tham nhũng xảy ra trong lĩnh vực kinh tế. Quy mô tham nhũng rất lớn, chưa được xác định chính xác và đầy đủ. Đến nay mức phát hiện tham nhũng chỉ khoảng 5%. Do công khai tài chính rất hạn chế và có tính hình thức, các biện pháp điều tra về chi tiêu, tài sản có thể gián tiếp cho biết thu

nhập của một số quan chức tham nhũng lớn như thế nào: nhà, xe, sinh hoạt, ăn chơi (ăn, nhậu, đi nước ngoài...), chi phí cho con đi học nước ngoài từ tiểu học,... Tuy không thể có số liệu chính xác nhưng qua nghiên cứu, ước tính thận trọng, cho thấy tham nhũng có thể lên đến 2% GDP.

Các biểu hiện tham nhũng trong kinh tế cũng rất nhiều loại, có thể xếp loại và phân biệt theo nhiều tiêu chí khác nhau: tham nhũng công (như nêu trên) hoặc tham nhũng tư (quan chức có quyền hành ở công ty tư, lợi dụng chức vụ có hành động tư lợi cho bản thân hay cá nhân trong khi gây thiệt hại cho công ty); tham nhũng quy mô nhỏ (xảy ra tràn lan và hàng ngày qua việc lạm dụng quyền hạn, thực hiện quá mức hoặc thực hiện không đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được giao như địa chính, hải quan, thuế vụ, hộ khẩu, cảnh sát giao thông,...) hoặc tham nhũng quy mô lớn (liên quan đến những dự án đầu tư lớn từ ngân sách nhà nước hay từ nguồn vốn ODA mà những vụ làm chán động dư luận như vụ PMU18, các chương trình xoá đói giảm nghèo đầu tư từ dự án ODA như đường nông thôn,...);...

Tham nhũng trong kinh tế diễn ra ở khắp các ngành, các lĩnh vực, trong doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp nhà nước độc quyền; dưới hình thức liên kết “tam giác quỷ” giữa cơ quan nhà nước, ngân hàng thương mại và doanh nghiệp nhà nước; độc quyền và khép kín trong đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách; cấu kết giữa doanh nghiệp tư nhân và một số quan chức hoặc chính quyền; sử dụng nguồn vốn ODA và FDI; lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản; lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai; lĩnh vực quản lý tài chính, ngân sách và quản lý tài sản

công; trong lĩnh vực tín dụng, ngân hàng;...

Ngoài ra, còn có tham nhũng chính trị và tham nhũng hành chính; tham nhũng trong lĩnh vực tư pháp; trong công tác tổ chức cán bộ; trong giáo dục (biểu hiện ở khâu tuyển sinh, chấm thi, các khoản đóng góp, dạy thêm, học thêm, cung ứng thiết bị dạy học...); trong thực hiện các chính sách xã hội.

5. Qua một số kết quả nghiên cứu, đánh giá về vấn đề tham nhũng, sự trong sạch của bộ máy chính quyền các nước và các lĩnh vực của cả trong nước và một số tổ chức quốc tế như TI, Tổ chức Tư vấn về rủi ro kinh tế chính trị (PERC)... các tác giả nhận định, có thể thấy thực trạng tham nhũng ở Việt Nam hiện nay đã đến mức đáng báo động. Chỉ số báo động này tuy chưa thực sự quá nghiêm trọng so với thực tiễn phát triển kinh tế và ổn định chính trị hiện nay, nhưng nó cũng cảnh báo cho chúng ta thấy được những yếu kém trong sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, đặc biệt là tính kém hiệu quả của giải pháp đã đưa ra để đấu tranh với tệ tham nhũng.

6. Đặc điểm cơ bản của tham nhũng ở Việt Nam hiện nay có thể chỉ ra như sau:

- *Một tiêu cực trong văn hoá ứng xử của người Việt Nam là môi trường thuận lợi cho tham nhũng.* Nguyên do là người Việt Nam vẫn còn nặng chữ "tình", chuộng sự yên hàn, nhàn nhã, "trong ấm ngoài êm". Thực tế là, những phương châm này cộng với sự vụ lợi thành ra một thái độ thờ ơ, sự yếm thế, chạy trốn khỏi những đấu tranh, xung đột. Thái độ đó là môi trường thuận lợi cho thói tham lam, lộng hành đục khoét của đám "quan lại".

- *Tham nhũng ở Việt Nam là các loại hình tham nhũng đặc trưng của*

những nước đang phát triển và những nền kinh tế đang chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường. Sự thiếu vắng các thể chế, sự tổ chức mất cân đối các hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội,... là điều không tránh khỏi, làm cho tham nhũng hoành hành.

- *Khó phát hiện một cách chính thức và rõ ràng do được bao che bởi hệ thống công chức.* Tham nhũng ở nước nào cũng khó phát hiện, nhưng ở nước ta khó phát hiện hơn. Ai cũng biết rằng xã hội ta đang tồn tại trong một trạng thái tham nhũng phổ biến, nhưng không có bằng chứng về điều đó. Đối với cán bộ, công chức, viên chức, lương không đủ sống, nhưng vẫn sống bình thường, nhiều cán bộ sống tốt hơn, không ít cán bộ có nhiều nhà cửa đất đai, tài sản lớn, nhưng không thể kết luận rằng họ tham nhũng. Điều đó chứng tỏ rằng, tham nhũng đang bị che dấu, chủ yếu bởi hệ thống quan phương (vì tham nhũng chủ yếu liên quan đến khu vực công).

- *Tham nhũng tiếp tục diễn ra trong hệ thống công chức có lương rất thấp.* Theo nghiên cứu của các tác giả, trả lương cao hơn cũng có thể khuyến khích viên chức trở nên lương thiện hơn.

- *Tham nhũng của một hệ thống công chức không cạnh tranh, thiếu trách nhiệm rõ ràng.* Xem xét nhiều công trình nghiên cứu, các tác giả thấy rằng, cạnh tranh làm giảm tham nhũng, chủ yếu là tước bỏ quyền của quan chức xét duyệt, cho phép cung ứng các dịch vụ độc quyền chứ không phải do các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau. Có thể nói, cơ chế tuyển chọn, sử dụng và đề bạt cán bộ ở nước ta không quy được trách nhiệm cụ thể cho các cá nhân, không có được các chế tài cụ thể trong việc bỏ nhiệm và đề bạt cán bộ, nên trong thời

gian qua ở nước ta đã xảy ra nhiều sai phạm trong lĩnh vực này.

- *Tham nhũng thường gắn liền với tệ lãng phí.*

- *Tệ tham nhũng hoành hành trong một xã hội công dân nhược quyền.* Xã hội công dân nước ta có đóng góp to lớn trong đời sống xã hội nói chung, trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng nói riêng. Hiện nay, khoảng 90% các vụ việc tham nhũng là do nhân dân và báo chí phát hiện. Tuy nhiên, do nhiều hạn chế, trong đó trước hết là bị hành chính hoá, thiếu độc lập, chủ động và sau đó là do chưa hoàn thiện các cơ chế giám sát phản biện,... đã cản trở năng lực và tính hiệu quả của các tổ chức chính trị – xã hội, các tổ chức xã hội,... trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

7. Một số nguyên nhân cơ bản của tham nhũng ở Việt Nam hiện nay

a. Về những nguyên nhân sâu xa thể hiện nguồn gốc và bản chất của tham nhũng: *trước hết là nguyên nhân từ bên trong hệ thống tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước.* Với cách tiếp cận này cho thấy, mức độ và quy mô của tham nhũng phụ thuộc vào hai vấn đề cơ bản là quyền lực công được hình thành và thực thi như thế nào và vấn đề kiểm soát quyền lực công được thực hiện ra sao. Ở khía cạnh thứ nhất, tham nhũng xuất hiện là do quyền lực công chưa được hình thành một cách dân chủ và không được thực thi một cách công khai, minh bạch. Cách thức tổ chức không hợp lý tạo ra sự tập trung quyền lực ở một số khu vực khác; Ở khía cạnh thứ hai, tham nhũng còn là hệ quả tất yếu của việc quyền lực công không được kiểm soát chặt chẽ, dẫn đến tình trạng lạm quyền, chuyên quyền trong việc thực thi quyền lực.

Thực tiễn cho thấy, quyền lực chính trị ở nước ta tập trung vào bộ máy Đảng, song việc kiểm soát quyền lực của Đảng, các cơ quan đảng, các cán bộ đảng lại chưa được đặt ra và giải quyết đúng tầm vóc của nó cả về lý luận và thực tiễn. Chỉ riêng vấn đề phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, dù đã có nhiều nghị quyết, nhất là Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X (2007) đã đưa ra những giải pháp mạnh mẽ, nhưng trên thực tế sự chuyển biến còn chậm, chưa đủ cải thiện cơ bản tình hình.

Nguyên nhân thứ hai của tham nhũng là do thói vụ lợi, tham lam ích kỷ,... theo cách nói của Hồ Chí Minh “là chủ nghĩa cá nhân”. Tuy nhiên, cũng có thể khẳng định rằng, nếu hệ thống tổ chức quyền lực nhà nước mà đúng đắn thì người muốn tham nhũng cũng khó có thể tham nhũng được.

b. Về những nguyên nhân cụ thể, trực tiếp, là:

Nguyên nhân khách quan là do nước ta đang phát triển, trình độ quản lý còn lạc hậu, mức sống thấp, pháp luật chưa hoàn thiện; nước ta đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế, vì vậy còn tồn tại và đan xen giữa cái mới và cái cũ; do ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế thị trường và ảnh hưởng của tập quán văn hoá lạc hậu còn sót lại.

Nguyên nhân chủ quan là do hệ thống chính trị chậm được đổi mới, hoạt động của bộ máy nhà nước kém hiệu quả; phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên bị suy thoái, công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên yếu kém; cơ chế chính sách pháp luật chưa phủ kín, thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán; và cải cách hành chính chưa đạt kết quả mong muốn, cơ chế “xin-cho” vẫn còn phổ biến, thủ tục hành

chính phiên hà, nặng nề, bất hợp lý tạo ra sự sách nhiễu, vôi vĩnh, ăn hối lộ, dùng hối lộ để mua các thủ tục.

Chương 3: Phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam - thực trạng và những vấn đề đặt ra hiện nay

1. Thể hiện *quyết tâm chính trị* của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006): “toàn Đảng, toàn bộ hệ thống chính trị và toàn xã hội phải có quyết tâm chính trị cao đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí”, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá X (2006) đã thảo luận và thông qua Nghị quyết về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí* với những mục tiêu cụ thể, quan điểm rõ ràng cùng các chủ trương quyết liệt, giải pháp đồng bộ nhằm phát huy sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị trong cuộc đấu tranh này. Trong cuộc đấu tranh này, cán bộ, đảng viên phải là những người gương mẫu đi đầu.

2. Với quyết tâm chính trị nêu trên, nhìn tổng thể, sau hơn 20 năm kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới với nhiều chủ trương, biện pháp quyết liệt của Đảng, nhất là từ sau Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII (2003) đến nay, cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực ở nước ta đã đạt được *một số kết quả* nhất định, đó là:

- Các văn bản của Đảng, Nhà nước ban hành đã làm rõ ý nghĩa, tầm quan trọng, mục tiêu, nhiệm vụ, những chủ trương, giải pháp chủ yếu của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Các văn bản đó đã được triển khai thực hiện, đã tạo ra hành lang pháp lý, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng tham nhũng.

- Các cấp uỷ đảng và chính quyền, từ Trung ương đến địa phương, đã quan tâm hơn đến công tác kiểm tra, thanh tra, nhất là kiểm tra, thanh tra công tác xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí,...

- Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đã dành nhiều thời gian để giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, trong đó tập trung giám sát việc tổ chức thi hành các quy định pháp luật về lĩnh vực này, việc triển khai thực hiện các công trình trọng điểm quốc gia và xử lý một số vụ việc mà dư luận quan tâm.

- Các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, công an, viện kiểm sát, toà án được củng cố cả về thẩm quyền pháp lý, cơ chế hoạt động, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất. Các hoạt động thanh tra, kiểm tra, truy tố, xét xử được tăng cường, thể hiện quan điểm xử lý ngày càng cương quyết hơn đối với các hành vi tham nhũng.

- Việc xử lý hành vi tham nhũng bước đầu đã có sự chuyển biến tích cực, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật. Không ít cán bộ, đảng viên, công chức sai phạm đã bị xử lý kiên quyết, trong đó có cả cán bộ cao cấp là Uỷ viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Thứ trưởng, Bí thư tỉnh uỷ (thành uỷ), Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh (thành phố), Vụ trưởng, Tổng giám đốc,...; khắc phục một bước tình trạng xử lý “nhẹ trên, nặng dưới”, xử lý nội bộ, tách ra để xử lý sau nhưng sau đó không xử lý hoặc xử lý nhẹ. Nhiều vụ án tham nhũng lớn tồn đọng kéo dài từ nhiều năm trước, gây bất bình trong nhân dân đã được tập trung chỉ đạo xử lý dứt điểm, đúng người, đúng tội, điển hình là các vụ án như vụ án Mường Tè - Lai Châu; vụ án Công ty thương mại dầu khí Đồng Tháp; vụ án Lã Thị Kim Oanh

ở Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; vụ điện kế điện tử ở thành phố Hồ Chí Minh; vụ phân bổ hạn ngạch dệt may ở Bộ Thương mại; vụ PMU18 ở Bộ Giao thông vận tải;...

- Vai trò giám sát, tham gia của nhân dân trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được nâng cao và có những đóng góp thiết thực hơn. Các cơ quan báo chí đã tích cực chủ động phát hiện, phanh phui nhiều vụ tham nhũng, lãng phí lớn, góp phần tạo dư luận xã hội thúc đẩy quá trình điều tra, truy tố và xét xử nghiêm các vụ án, những cán bộ, đảng viên sai phạm.

- Đảng đã chú trọng tổ chức cho cán bộ, đảng viên, công chức và toàn dân học tập các nghị quyết của Đảng, học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, thi tìm hiểu về Đảng, về Bác Hồ, về đất nước 20 năm đổi mới...

Trong phần cuối chương này, các tác giả chỉ ra *những hạn chế và các nguyên nhân cơ bản của những yếu kém đó* trong công cuộc phòng, chống tham nhũng ở nước ta. Tác giả rút ra nhận định, nguyên nhân dẫn đến tình trạng quào cáp hối lộ là cả từ hai phía, cả “quan tham” và “dân dại”. Song, xét đến cùng, gốc gác của tình trạng này vẫn chủ yếu thuộc về trách nhiệm của cơ quan nhà nước.

Chương 4: Phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay

Trên cơ sở các phân tích ở trên, đồng thời xem xét các kinh nghiệm thực tế chống tham nhũng tại các nước như Mỹ và các nước Tây Âu, Nga, Singapore, Hàn Quốc và Trung Quốc; quán triệt tinh thần Nghị quyết về *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí* của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương

khoá X, các tác giả đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh hơn nữa công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở nước ta hiện nay như sau:

Một, Đảng phải có quyết tâm chính trị cao trong cuộc đấu tranh với nạn tham nhũng. Đây được xác định là yếu tố hàng đầu của chiến lược chống tham nhũng, bởi nếu không có điều này thì mọi giải pháp đưa ra, dù tốt đến mấy cũng không được bảo đảm thực thi hiệu quả. Bên cạnh đó, những nỗ lực chống tham nhũng lâu bền còn phải bao gồm cả sự cam kết từ những cơ quan khác nhau của hệ thống chính trị, đặc biệt là những người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong bộ máy Đảng và Nhà nước ở các cấp.

Để cuộc chiến chống tham nhũng thực sự đi vào chiều sâu, Đảng cũng cần mở một cuộc vận động trong quần chúng chống tham nhũng, tạo sức ép dư luận lên án buộc cơ quan chức năng phải xử lý mạnh mẽ các hành vi tham nhũng, làm cho những kẻ tham nhũng không tồn tại được và đội ngũ cán bộ, công chức phải nhìn nhận lại trách nhiệm của mình.

Hai, muốn chống tham nhũng có hiệu quả phải chữa trị tận gốc rễ nguồn gốc sinh ra nó, đó là phải đổi mới có hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, mà trước hết là đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý của Nhà nước, bởi đây là hai yếu tố “hạt nhân” và “trung tâm” của hệ thống tổ chức và thực thi quyền lực.

Ba, xây dựng thể chế kiểm soát quyền lực trong bộ máy của Đảng và Nhà nước, việc xây dựng các thể chế này càng cụ thể và càng chặt chẽ bao nhiêu thì quyền lực càng bị kiểm soát chặt chẽ bấy nhiêu, đặc biệt là trong các lĩnh vực hay xảy ra tham nhũng.

Bốn, tăng cường sự giám sát của người dân, các đoàn thể nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

Năm, đẩy mạnh cải cách thể chế kinh tế theo hướng thị trường định hướng XHCN. Cần xác định rõ vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường; Đẩy mạnh hơn nữa tốc độ đa dạng hoá các hình thức sở hữu, xoá bỏ tính chất “vô chủ” trong tất cả các lĩnh vực thuộc sở hữu nhà nước; Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế; Rà soát lại và hoàn thiện chính sách, luật pháp về kinh tế, những yêu cầu về giấy phép phiền hà và không cần thiết phải được xoá bỏ, quyền xử lý tùy tiện đối với các vấn đề kinh doanh phải được giảm bớt...; Quản lý chặt chẽ vốn, tài sản nhà nước trong các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá. Thực hiện cơ chế giám sát tài chính, phát huy quyền giám sát của người lao động và thực hiện chế độ kiểm toán bắt buộc đối với các doanh nghiệp này; Đổi mới và hoàn thiện việc hoạch định chính sách và soạn thảo pháp luật về kinh tế; Xử lý nghiêm các hợp đồng kinh tế có yếu tố tham nhũng.

Sáu, đẩy mạnh hơn nữa cải cách hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý của bộ máy hành chính nhà nước. Phải định rõ chức năng, nhiệm vụ từng cơ quan, tổ chức, từng cá nhân cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu quản lý hành chính nhà nước và hoạt động cung cấp dịch vụ công trong thời kỳ đổi mới; Cần tập trung tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách lớn như cơ chế tiền lương và thu nhập của công chức; Chống tham nhũng không nên quá ôm đồm mà cần tập trung rà soát, điều chỉnh những lĩnh vực dễ xảy

ra tham nhũng nhất, theo thứ tự ưu tiên với phương châm mà Đảng ta đã đề ra “từ trên xuống”, “từ trong ra”.

Bảy, xây dựng và thực hiện một nền đạo đức công vụ trong toàn bộ hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức. Muốn vậy, cần phải xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử nhằm bảo đảm sự liêm chính của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng. Trong giáo dục công vụ cần đề cao giá trị đạo đức, đề cao sự tự rèn luyện, tu dưỡng của cán bộ, công chức; khuyến khích và tôn vinh sự hướng thiện vì lý tưởng phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước của cán bộ, công chức; khắc phục thói vô cảm ích kỷ, vụ lợi trong khi thực hiện công vụ đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của quần chúng nhân dân.

Tám, điều chỉnh, cải cách hệ thống tiền lương, tiền thưởng và đãi ngộ vật chất, tinh thần đối với cán bộ, công chức làm cho cán bộ, công chức đủ sống bằng lương, không cần tham nhũng. Tuy nhiên, cải cách hệ thống tiền lương cần đi liền với những biện pháp có tính hệ thống như giảm các quy định rườm rà, phức tạp, tăng giám sát, công khai minh bạch, tách rời công việc của quan chức với khả năng những nhiều, vôi vĩnh, đòi tiền,... mới có khả năng giảm được tham nhũng.

Chín, đổi mới công tác cán bộ, hoàn thiện cơ chế quản lý cán bộ, công chức, tăng cường hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, giám sát ngăn ngừa và xử lý những cán bộ quan liêu, tham nhũng.

Mười, nâng cao nhận thức xã hội về những biểu hiện, nguyên nhân và hậu quả của tham nhũng; tuyên truyền cho người dân nhận diện các hành vi tham nhũng, thái độ căm ghét và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.